

Ngày	12,150 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.8%	8.0%	2.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,928 - 12,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	391
Số lượng CPLH (CP)	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,635
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.22
EPS	1,216
P/E	10.0

DT thuần

Q1/24

100

tỷ VNĐ

QoQ: ▼532| -84.1%

YoY: ▲ 22.3| 29.2%

LN trước thuế

Q1/24

2.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.6| -84.5%

YoY: ▲ 22.1| 115%

LN sau thuế

Q1/24

2.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.3| -85.3%

YoY: ▲ 21.5| 112%

ROA

2023

1.0%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2023

1,496

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 203| 15.7%

LN trước thuế

2023

20.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.80| 41.1%

LN sau thuế

2023

14.9

tỷ VNĐ

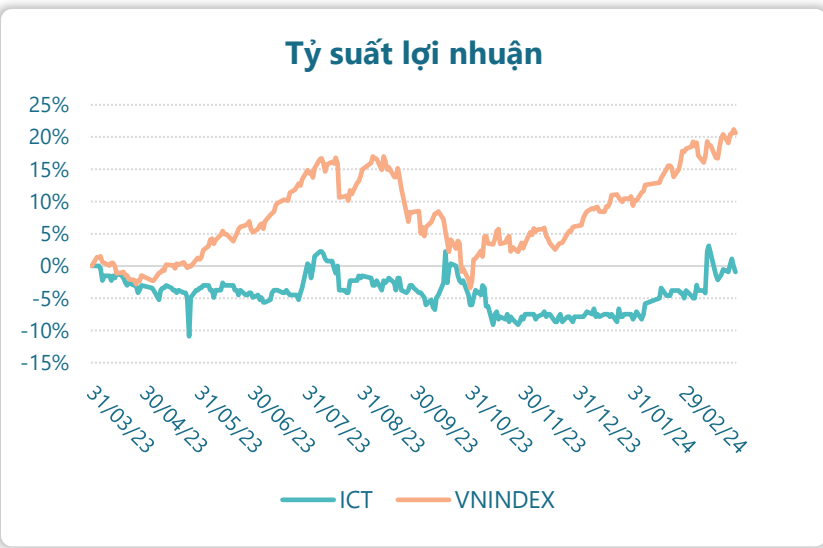
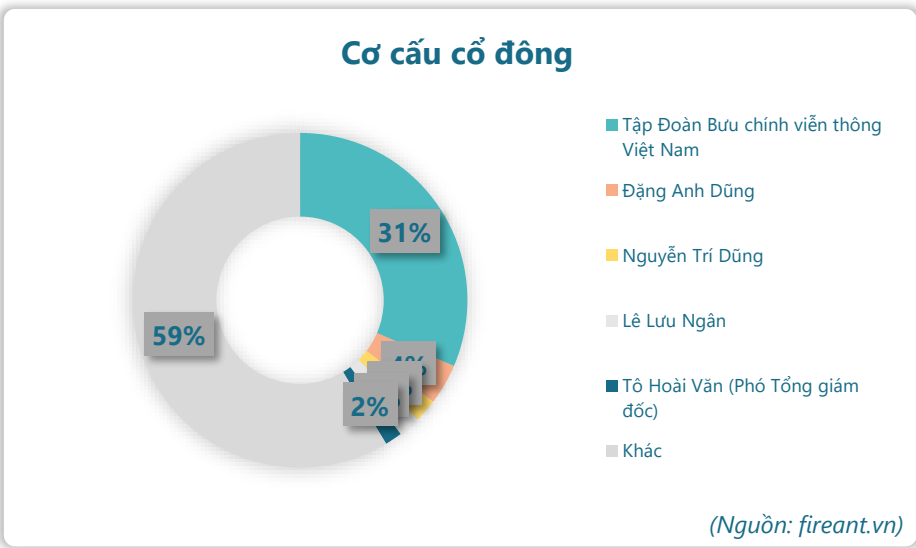
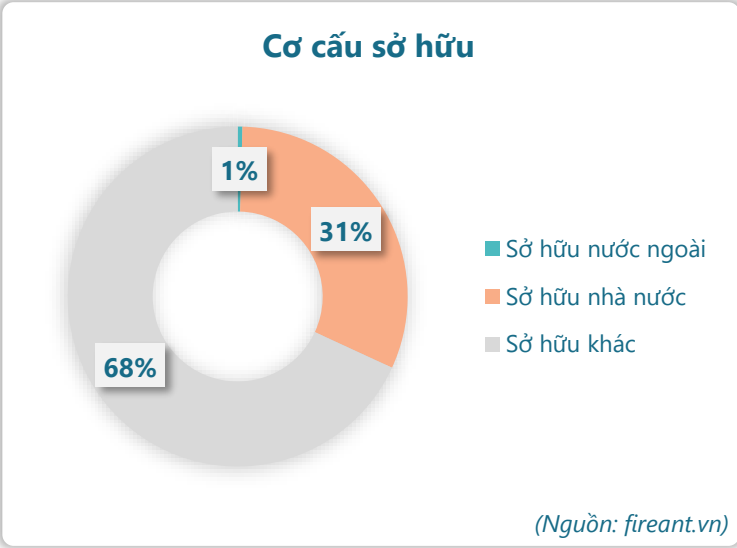
YoY: ▲ 4.70| 46.9%

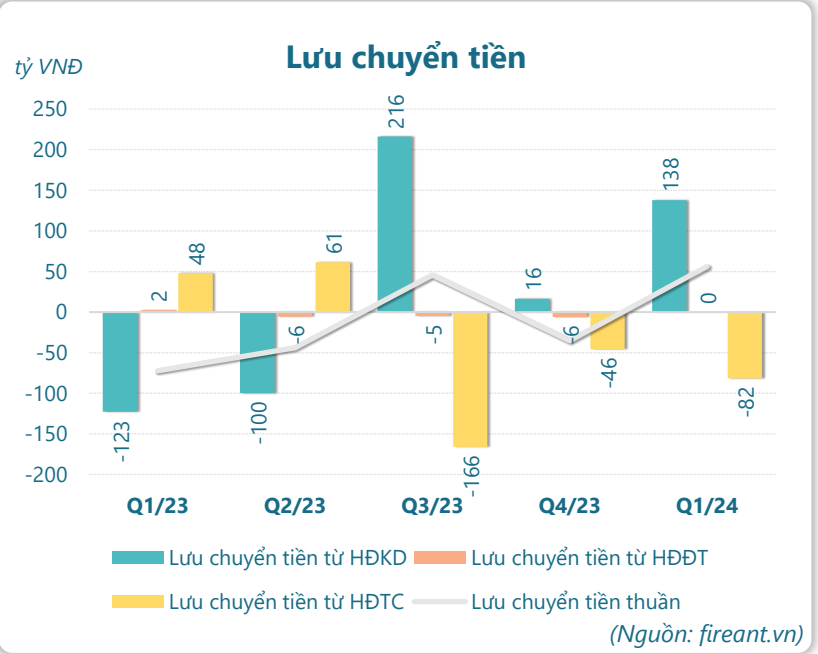
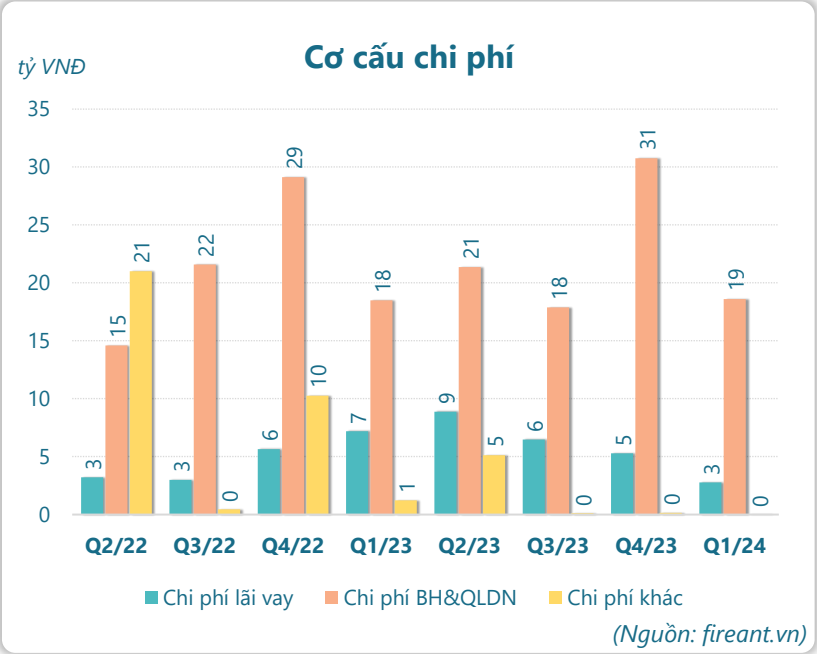
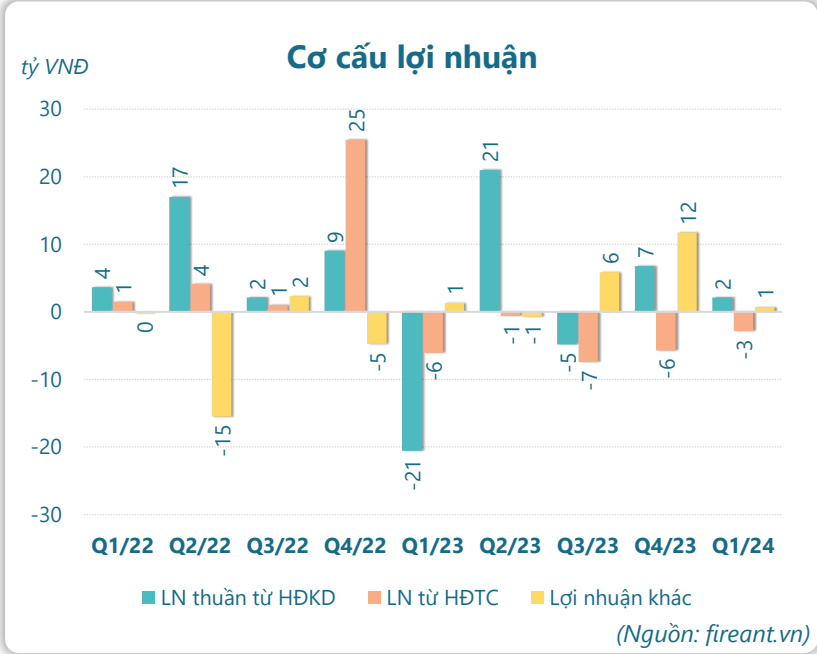
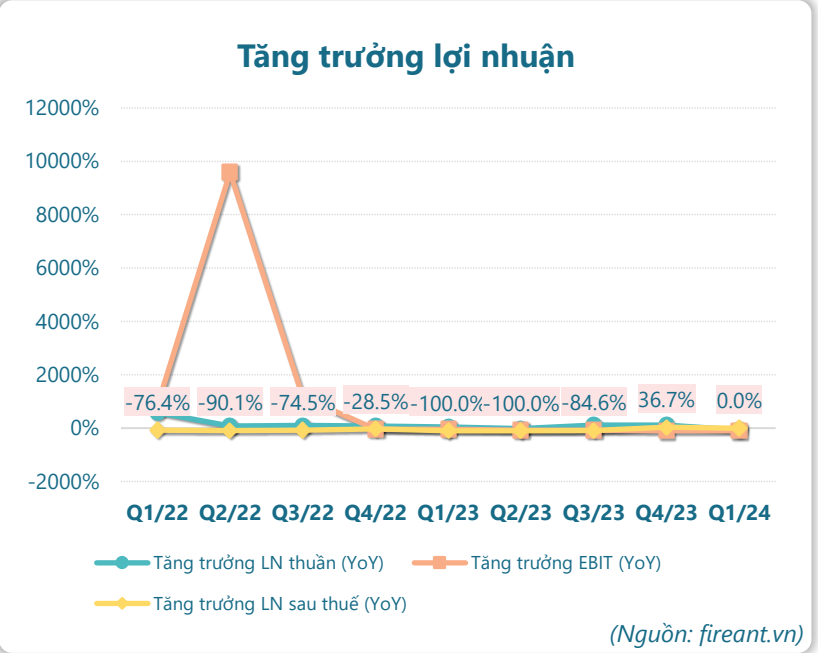
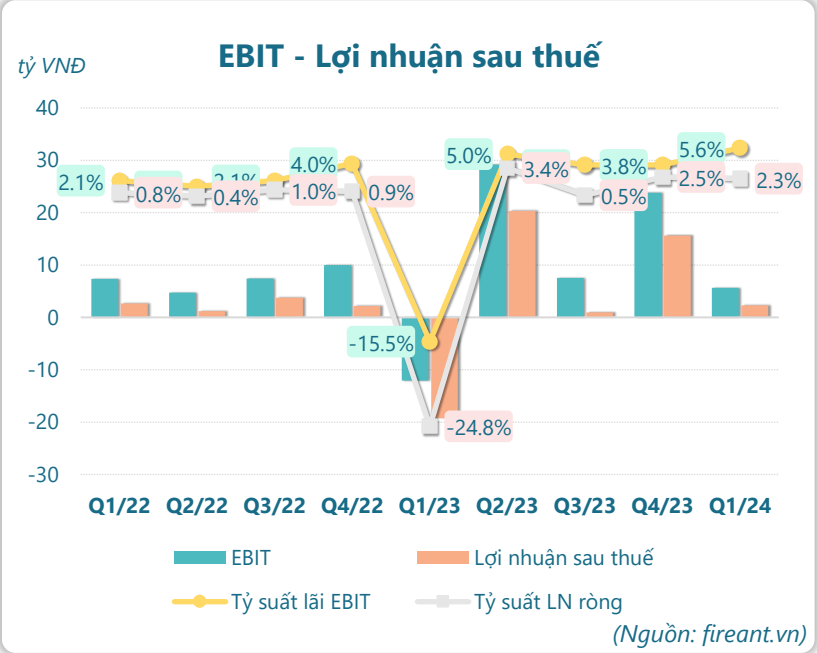
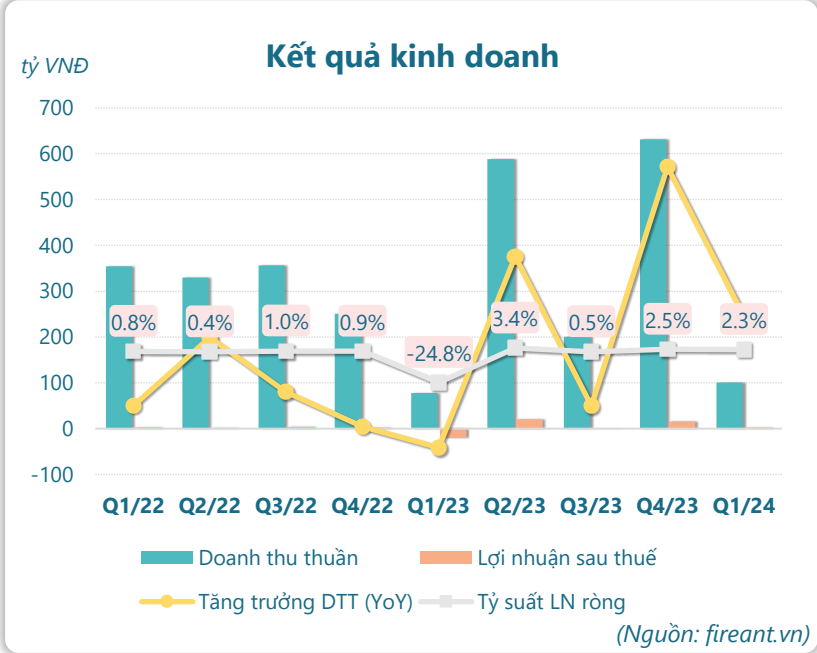
ROE

2023

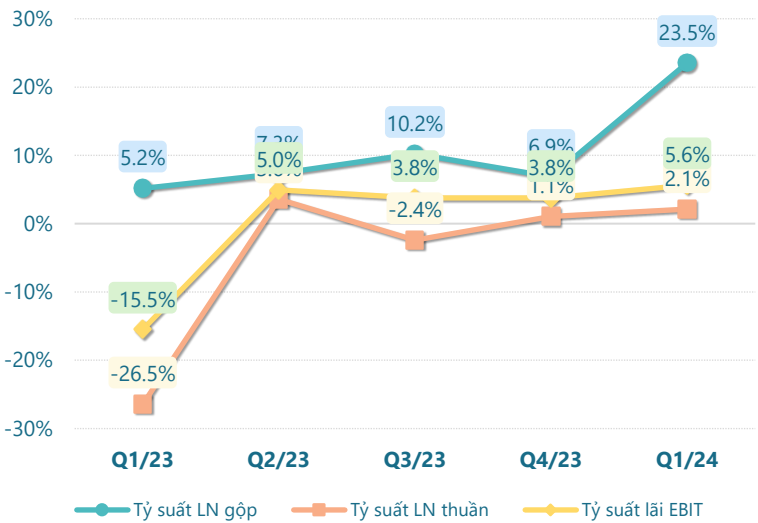
2.3%

+/- YoY: ▲ 0.8%



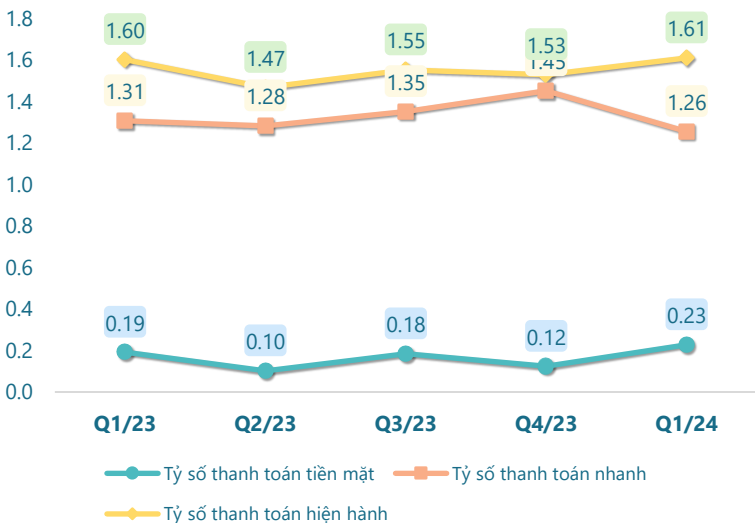


Tỷ suất lợi nhuận



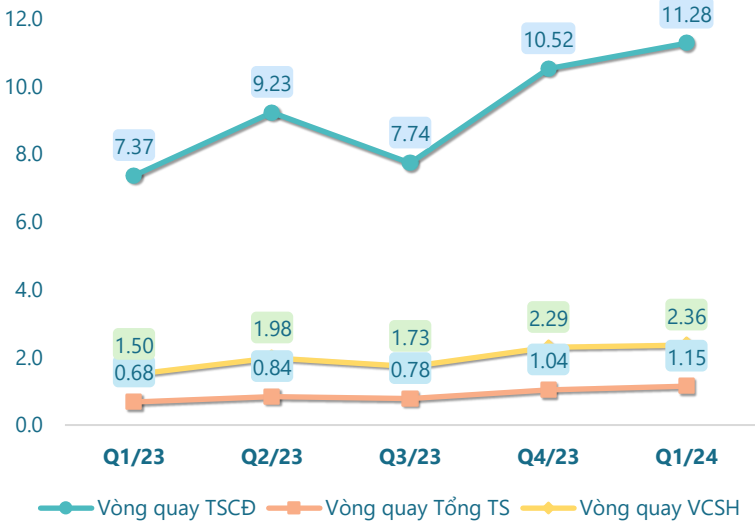
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



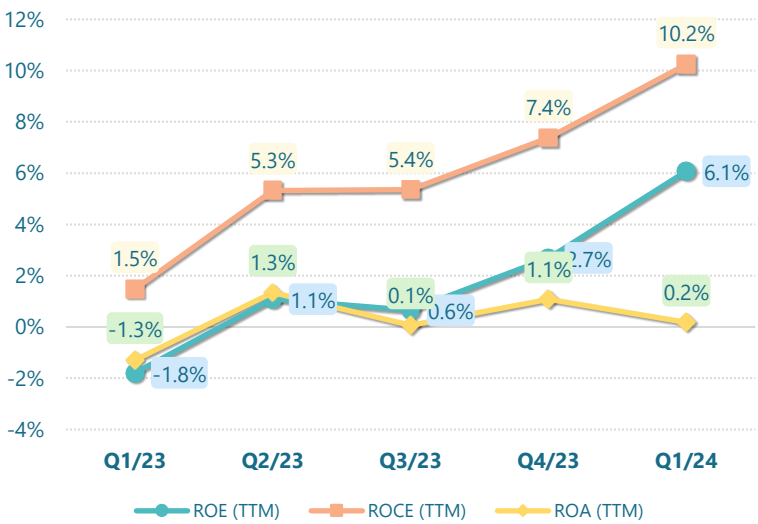
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



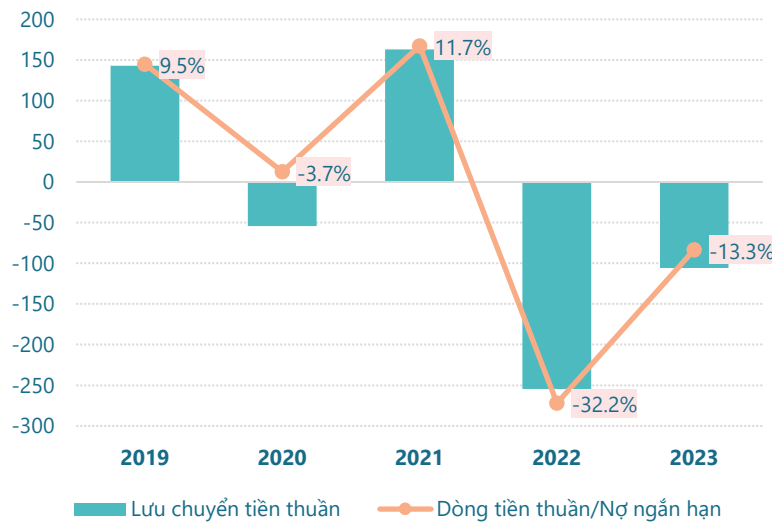
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



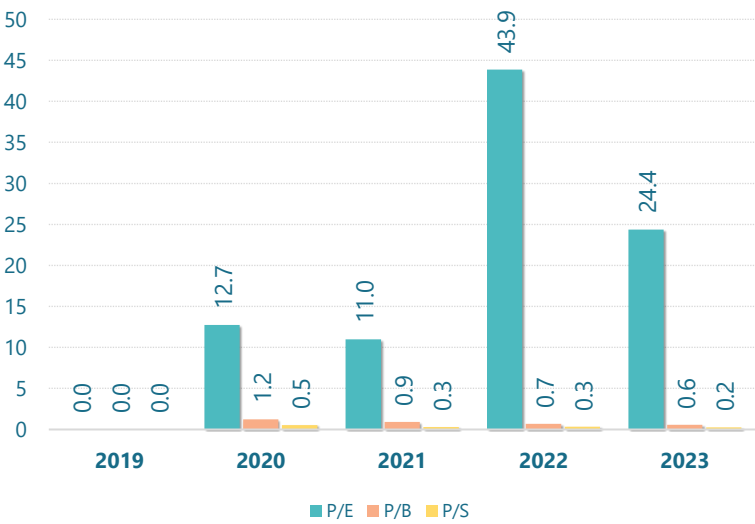
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)